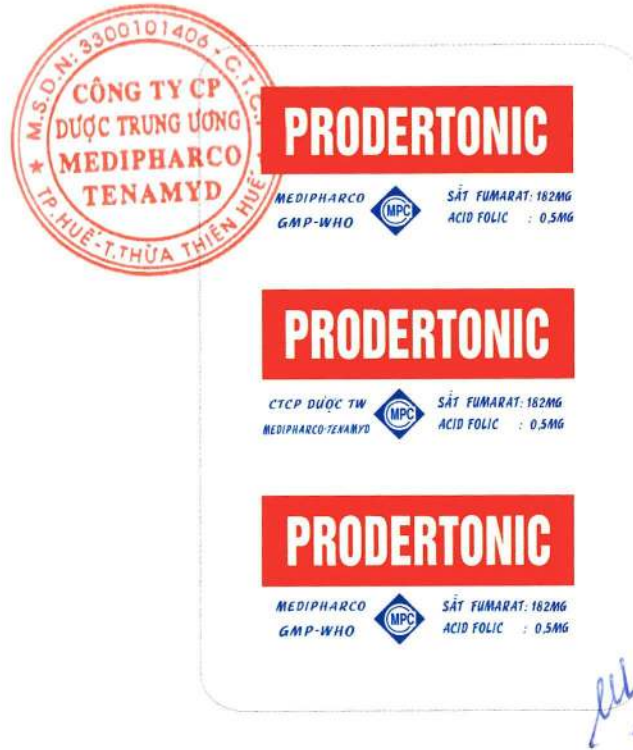
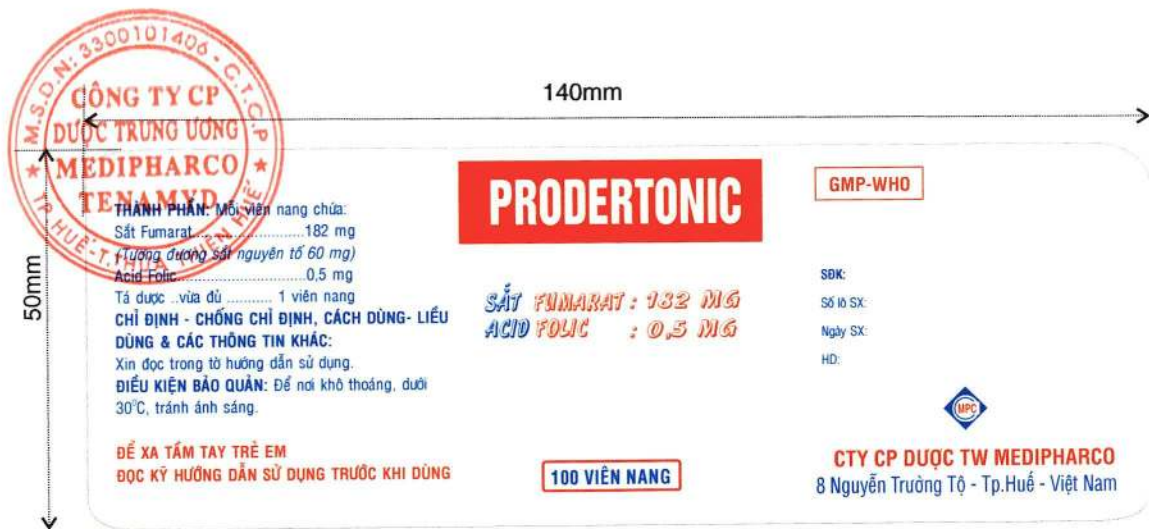


MẪU NHÃN VỈ



* Ghi chú: Số lô sản xuất và hạn dùng được dập chìm ở đáy vỉ

MẪU NHÃN LỘ 100 VIÊN NANG



MẪU HỘP GIẤY



PRODERTONIC

10 VÍ X 10 VIÊN NANG

GMP-WHO

PRODERTONIC

SẮT FUMARAT : 182 MG
ACID FOLIC : 0,5 MG

MEDIPHARCO

8cm



THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang chứa:
 Sắt Fumarat.....182 mg
 (Tương đương sắt nguyên tố 60 mg)
 Acid Folic.....0,5 mg
 Tá dược ..vừa đủ 1 viên nang

CHỈ ĐỊNH -CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
 Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG & CÁC THÔNG TIN KHÁC:
 Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Để nơi khô thoáng, dưới 30°C, tránh ánh sáng.
 Nhà sản xuất:
CTCP DƯỢC TW MEDIPHARCO-TENAMYD
 8 Nguyễn Trường Tộ - Tp. Huế - Việt Nam

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG**

6cm

10 BLISTERS x 10 CAPSULES

GMP-WHO

PRODERTONIC

FERROUS FUMARATE : 182 MG
FOLIC ACID : 0,5 MG

MEDIPHARCO

COMPOSITION: Each capsule contains:
 Ferrous Fumarate.....182 mg
 (equivalent to Iron: 60 mg)
 Folic Acid0,5 mg
 Excipients .s.q.f.....1 capsule

INDICATIONS & CONTRA-INDICATIONS:
See insert.

USAGE - DOSAGE & ANOTHER INFORMATIONS:
See insert.

STORAGE:
In dry place, below 30°C, protect from light .
Manufactured by:

MEDIPHARCO
8 Nguyen Truong To St., Hue City - Viet Nam

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
PLEASE READ PACKAGE INSERT
BEFORE USING**

Mẫu tờ hướng dẫn sử dụng

Tờ hướng dẫn sử dụng

PRODERTONIC

Viên nang

CÔNG THỨC: Mỗi viên nang chứa:
 Sắt fumarat..... 182 mg
 (Tương ứng sắt nguyên tố: 60 mg)
 Acid folic..... 0,5 mg
 Tá dược (Lactose, Microcrystalline cellulose, Magnesi stearat, Pregelatinised starch, Natri lauryl sulfat, Copovidone) vđ... 1 viên nang.

CHỈ ĐỊNH:
 Điều trị và dự phòng thiếu máu do thiếu sắt và acid folic nhất là phụ nữ có thai, cho con bú, phụ nữ trong thời kỳ hành kinh, khi nguồn thức ăn không đảm bảo đủ chất sắt và acid folic, hay cơ thể hấp thu kém sắt do cắt đoạn dạ dày, viêm niêm mạc dạ dày, viêm ruột mạn tính.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:
 - Người lớn uống mỗi lần 1 viên, ngày uống 2 - 3 lần, uống trước bữa ăn, một đợt điều trị 8 - 12 tuần.
 - Phụ nữ có thai uống ngày 1 viên bắt đầu từ tuần 24 của thai kỳ.
 - Trẻ em: theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
 Mẫn cảm với thành phần của thuốc
 Cơ thể thừa sắt: Bệnh mô nhiễm sắt, nhiễm hemosiderin và thiếu máu tan máu.
 Hẹp thực quản tui cùng đường tiêu hoá.

THẬN TRỌNG: Cần thận trọng khi dùng cho người bệnh có nghi ngờ loét dạ dày, viêm ruột hồi hoặc viêm loét ruột kết mạn.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:
 * Thời kỳ mang thai: Thuốc dùng được cho người mang thai khi thiếu máu do thiếu sắt và acid folic.
 * Thời kỳ cho con bú: Thuốc dùng được cho người cho con bú.

TƯƠNG TÁC THUỐC:
 Tránh dùng phối hợp sắt với ofloxacin, ciprofloxacin, norfloxacin.
 Uống đồng thời với các thuốc kháng acid như calci carbonat, natri carbonat và magnesi trisilicat, hoặc với nước chè có thể làm giảm hấp thu sắt.
 Sắt có thể chelat hoá với các teracyclin và làm giảm hấp thu của cả hai loại thuốc. Sắt có thể làm giảm hấp thu của penicilamin, carbidopa/ levodopa, methylodopa, các quinolon, các hormon tuyến giáp và các muối kẽm.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:
 - Rối loạn tiêu hoá như đau bụng, buồn nôn, nôn và táo bón.
 - Phân có màu đen đỏ là tình trạng bình thường khi sử dụng thuốc này.

Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.


SỬ DỤNG QUÁ LIỀU - CÁCH XỬ TRÍ:
 * Triệu chứng: Đau bụng, buồn nôn, nôn, ỉa chảy kèm ra máu, mất nước, nhiễm acid, sốt cao, giảm glucose huyết, nhiễm độc gan, suy thận, cơn co giật và hôn mê.
 * Điều trị: Trước tiên: Rửa dạ dày ngay bằng sữa (hoặc dung dịch carbonat).
 Sau khi rửa sạch dạ dày, bơm dung dịch deferoxamin (5-10g deferoxamin hòa tan trong 50-100 ml nước) vào dạ dày qua ống thông.
 Trong trường hợp lượng sắt dùng trên 60 mg/kg thể trọng, hoặc khi có triệu chứng nặng, đầu tiên phải cho deferoxamin tiêm tĩnh mạch. Liều tiêm truyền tĩnh mạch 15mg/ kg/ giờ đến khi hết triệu chứng và tới khi nồng độ Fe²⁺ huyết thanh giảm dưới mức 60 micromol/ lit. Cần thiết có thể dùng liều cao hơn.

LỖI KHUYẾN CÁO:
 Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
 Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ.
 Để xa tầm tay trẻ em.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: 10 viên, hộp 10 vỉ. Lọ 100 viên.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

 **CTY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO-TENAMYD**
 8 Nguyễn Trường Tộ - Tp.Huế - Việt Nam
 ĐT: 054. 3823099 - 3827215 Fax: 054.3826077

Handwritten signature

Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP
DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPHARCO
TENAMYD

TP. HUẾ - T. THỪA THIÊN HUẾ

DS. Phạm Thị Bình